TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC – TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 16/2023/QĐST–DS	*Mỹ Đức, ngày 15 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 24/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TM TNHH MTV Đ (O)**.

Địa chỉ trụ sở: Số 199 N, phường T, Thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo pháp luật: ông Ngô Anh T – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hoài Đ – Chức vụ: Phó tổng giám đốc (Theo văn bản ủy quyền số: 566/2022/UQ-NĐDPL.12.01 ngày 11/10/2022).

Đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Hoài Đ: ông Nguyễn Hữu M – Giám đốc PGD A (Theo văn bản ủy quyền số: 837/2022/UQ-O.05.02 ngày 13/12/2022).

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1986.

Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1983.

Đều địa chỉ: thôn T, xã A, huyện M, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nợ gốc, nợ lãi:

Nguyên đơn và các bị đơn cùng xác nhận:

- Các bên đã ký Hợp đồng tín dụng số: 130/2016-HĐTD/O ngày 09/11/2016 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 07872.2016/HĐTC;

Quyển số: 04 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 09/11/2016 tại Văn phòng Công chứng Đông Đô, thành phố Hà Nội.

- Tạm tính đến ngày 07/6/2023, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N còn nợ Ngân hàng TM TNHH MTV Đ tổng số tiền là: **691.840.185** đồng *(Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, một trăm tám mươi lăm đồng)*, trong đó nợ gốc là: 367.573.302 đồng, nợ lãi là: 324.266.883 đồng.

2.2. Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Ngân hàng TM TNHH MTV Đ và ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị N cùng thống nhất: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng theo lộ trình trả nợ sau:

- Kỳ 01: Chậm nhất đến ngày 30/7/2023, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng, ưu tiên thu vào nợ gốc.
- Kỳ 02: Chậm nhất đến ngày 30/8/2023, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng, ưu tiên thu vào nợ gốc.
- Kỳ 03: Chậm nhất đến ngày 30/9/2023, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng, ưu tiên thu vào nợ gốc.
- Kỳ 04: Chậm nhất đến ngày 30/10/2023, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ gốc và các khoản nợ lãi còn lại (Tất toán khoản vay) theo Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

2.3. Về lãi suất:

Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất: Bị đơn tiếp tục phải chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết với nguyên đơn số dư nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả kể từ ngày 08/6/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ (Tất toán).

2.4. Về xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp không trả nợ theo thỏa thuận:

Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất:

Sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực, nếu ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị N vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào trả nợ nào theo thời hạn và phương thức thanh toán nêu trên (Trả không đúng số tiền, không đúng thời hạn) thì Ngân hàng TM TNHH MTV Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 136, tờ bản đồ số: 6A-01, địa chỉ: xã A, huyện M, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CE 415545, số vào sổ cấp GCN: CS-MĐ 01875 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 25/10/2016 đứng tên ông Nguyễn Văn L. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 07872.2016/HĐTC; Quyển số: 04 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 09/11/2016 tại Văn phòng Công chứng Đông Đô, thành phố Hà Nội.

2.5. Trường hợp số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ trả nợ và các chi phí phát sinh khác (nếu có), thì ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N vẫn nhận nợ số tiền còn thiếu và tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TM TNHH MTV Đ (O).

2.6. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 15.836.800 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm đồng)*.

Hoàn trả Ngân hàng TM TNHH MTV Đ (O) số tiền: 18.500.000 đồng *(Bằng chữ: Mười tám triệu, năm trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0039296 ngày 19/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Hồng